

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ THU THANH

**ĐẶC ĐIỂM VĂN XUÔI QUỐC NGŨ
CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX**

Chuyên ngành : Văn học Việt Nam

Mã số : 60.22.34

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Đà Nẵng – Năm 2010

Công trình được hoàn thành tại
Đại học Đà Nẵng

Người hướng dẫn khoa học
PGS. TS. Nguyễn Phong Nam

Phản biện 1: TS. Phan Ngọc Thu

Phản biện 2: TS. Nguyễn Thành

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn
tốt nghiệp Thạc sĩ Khoa học Xã hội và Nhân văn,
họp tại Đại học Đà Nẵng ngày 26 tháng 9 năm 2010.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Văn xuôi quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là một bộ phận máu thịt của văn học dân tộc. Nền văn học ở giai đoạn này với những đặc điểm và tính chất giao thời của nó đã đánh dấu một cuộc chuyển giao quan trọng của văn học Việt Nam từ văn học trung đại sang văn học hiện đại. Nhưng văn học quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX lại có một thời gian dài bị giới nghiên cứu phê bình quên lãng, ít được nhắc tới, hoặc chỉ được biết tới với vài ba gương mặt nổi bật như: Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách... Trong những năm gần đây, nhiều nhà nghiên cứu đã cố gắng vượt qua những khó khăn về mặt tư liệu để có thể tiếp cận và khôi phục diện mạo mảng văn học có ý nghĩa quan trọng này; nhưng những thành tựu đạt được chưa nhiều, một số vấn đề còn phải tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn, trong đó có đặc điểm của văn xuôi quốc ngữ ở giai đoạn này.

Đó chính là lí do chúng tôi nghiên cứu đề tài *Đặc điểm văn xuôi quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn chủ yếu đề cập đến những đặc điểm nổi bật về nội dung và hình thức nghệ thuật, cũng như những tiền đề ra đời, phát triển của văn xuôi quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Trong luận văn này, chúng tôi tập trung nghiên cứu các truyện ngắn và tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ tiêu biểu cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này chúng tôi vận dụng một số phương pháp chủ yếu sau đây:

Phương pháp tiếp cận hệ thống, Phương pháp phân tích, tổng hợp, Phương pháp so sánh, đối chiếu

4. Lịch sử vấn đề

Trong những thập niên cuối thế kỉ XX, nhờ nỗ lực của các nhà nghiên cứu mà việc giới thiệu văn học giai đoạn giao thời đã có những thành tựu đáng kể. Các công trình, bài viết đã lần lượt được đăng trên các tạp chí hoặc in thành

sách, trở thành nguồn tài liệu quý giá để bạn đọc tìm hiểu nền văn học văn xuôi dân tộc, tiêu biểu như:

Tập khảo luận *Khi những lưu dân trở lại* của Nguyễn Văn Xuân

Cuốn *Tiến trình văn nghệ miền Nam (1980), Văn học Việt Nam nơi miền đất mới*, Nguyễn Q. Thắng.

Ở công trình *Văn xuôi quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865 – 1930* xuất bản 1992, Bằng Giang đã cung cấp một khối lượng tư liệu đáng kể về văn học giai đoạn này.

Luận án *Sự hình thành và vận động của thể loại tiểu thuyết văn xuôi tiếng Việt ở Nam Bộ giai đoạn từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1932* của Tôn Thất Dụng (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 1993).

Công trình *Tiểu thuyết Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* (Nxb Đại học Quốc gia TP HCM, 2004) do nhóm tác giả Nguyễn Kim Anh (chủ biên), Nguyễn Thị Trúc Bạch, Hà Thanh Vân, Vũ Văn ngọc, Hoàng Tùng, Huỳnh Vĩnh Phúc biên soạn đã giới thiệu khái quát về diện mạo văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ, cũng như quan niệm sáng tác văn học của các nhà văn thời bấy giờ.

Nguyễn Huệ Chi với bài *Thử tìm một vài đặc điểm của văn xuôi tự sự quốc ngữ Nam Bộ trong bước khởi đầu* (Tạp chí Văn học số 5-2002, trang 73-84), đã nêu lên bốn đặc điểm của văn xuôi Nam Bộ đó là ngôn ngữ “viết như lời nói”, là bước đi “dịch dắc” của tiểu thuyết Nam Bộ, là một quá trình “chín sớm” đã sản sinh được một thế hệ “gói đầu” giữa thế hệ trước 1932 và thế hệ những năm sau đó...

Đây là một bài viết có giá trị, nêu rõ những đặc điểm có tính quy luật của tiểu thuyết quốc ngữ Nam Bộ.

Công trình *Văn học Việt Nam thế kỷ XX* (Nxb Giáo dục, 2005) do Phan Cự Đệ chủ biên, tác giả đã dành chương một để nói về “quá trình hình thành và phát triển của nền văn học Việt Nam hiện đại”. Với bài viết này tác giả đã đặt ra vấn đề “nền văn học Việt Nam hiện đại hình thành từ bao giờ?”. Ông đã mượn lời tác giả Nguyễn Văn Trung để khẳng định rằng: “Truyện ngắn mà chúng tôi coi là sớm hơn cả ở miền Nam, *Truyện thầy Lazaro Phiền* đã sử dụng một cách khéo léo hầu như hoàn hảo kỹ thuật Tây phương, không thua gì những truyện ngắn viết sau này hay bây giờ”.

Với bài viết này, Phan Cự Đệ đã khái quát rằng: “nền văn học mới không xuất hiện một cách “đột ngột”, “không bình thường”... mà nền văn học hiện đại đã hình thành trên cơ sở những tiền đề về lịch sử, xã hội và văn học nhất định”

Cũng với công trình *Truyện ngắn Việt Nam lịch sử- thi pháp- chân dung* (Nxb Giáo dục, 2007), Phan Cự Đệ đã dành toàn bộ chương VIII để khái quát “lịch sử phát triển của các khuynh hướng và loại hình truyện ngắn của truyện ngắn Việt Nam hiện đại”. Trong chương này tác giả đã đưa ra những nhận định mang tính khái quát về văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ : “Một nền văn xuôi giản dị, gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày dần được hình thành và những tác phẩm văn xuôi quốc ngữ đầu tiên ở Miền Nam phần lớn là của những người theo đạo Thiên Chúa như Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Trọng Quản, Trần Chánh Chiếu...”

Tác giả còn khẳng định: *Truyện thầy Lazaro Phiền* có phần nào trở thành “con chim lạ từ phương Tây đáp xuống một vùng đất còn vắng bóng đồng loại” và “nổi lên như một ốc đảo chơi vơi nửa sau thế kỷ XIX không riêng gì ở Nam Kỳ mà ở cả Việt Nam.”

Như vậy với công trình này, Phan Cự Đệ bước đầu đã có một cái nhìn mới mẻ và sâu sắc hơn về văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ giai đoạn từ 1887 đến 1930.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Phong Nam trong công trình: *Văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX trong quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam* (đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ), đã nghiên cứu và khảo sát một cách tương đối toàn diện diện mạo văn xuôi quốc ngữ trong giai đoạn giao thời. Qua đó tác giả khái quát những quy luật hình thành và phát triển của loại hình văn học nhằm làm rõ một số vấn đề lý luận về lịch sử văn học dân tộc. Công trình gồm có ba phần chính:

Phần thứ nhất đề cập đến diện mạo lịch sử văn xuôi quốc ngữ giai đoạn giao thời.

Phần thứ hai tìm hiểu đặc điểm văn xuôi quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Phần ba giới thiệu một số tác giả văn xuôi tiêu biểu giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Tóm lại, mặc dù văn học quốc ngữ được hình thành từ rất sớm và sự tác động của chúng đối với đời sống cộng đồng là rất lớn, tuy nhiên việc nghiên cứu hiện tượng văn học này lại được tiến hành rất muộn. Luận văn này kế thừa ý kiến của những người đi trước, qua đó mong muốn góp phần trong việc nhận diện nét đặc thù, độc đáo và những đặc điểm riêng biệt của nền văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX trong tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam.

5. Bố cục luận văn

Trong đề tài này ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo nội dung gồm ba chương chính:

Chương 1: Lịch sử ra đời và phát triển của văn xuôi quốc ngữ.

Chương 2: Hiện thực lịch sử xã hội trong văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Chương 3: Một số đặc điểm nghệ thuật của văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

CHƯƠNG 1

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN XUÔI QUỐC NGỮ

1.1. Hoàn cảnh ra đời của văn xuôi quốc ngữ

1.1.1. Hoàn cảnh kinh tế xã hội Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Năm 1858 thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Nhân dân ta đã anh dũng đấu tranh chống xâm lược nhưng vì nhiều lẽ, cuối cùng Pháp cũng đạt được mục đích thống trị nước ta. Giai đoạn từ khi chiếm được Nam Kỳ cho đến năm 1880 chính quyền thực dân ở Nam Kỳ do các đô đốc nắm quyền. Bấy giờ, hiếm có người Việt nào hợp tác với Pháp. Không chiêu dụ được những người có học bèn Pháp phải dựa vào một số bồi bếp, thông ngôn, giáo dân và bọn lưu manh ra làm tổng lí và nhân viên văn phòng.

Khi “bình định” xong Nam Kỳ, thực dân tăng cường đầu tư để khai thác vùng đất thuộc địa này. Những năm đầu thế kỷ XX kinh tế ở Nam Kỳ tiếp tục phát triển. Các nhà máy được thành lập, phương tiện giao thông phát triển hơn

trước. Những người nông dân và thợ thủ công không có việc làm ở nông thôn kéo nhau ra thành phố tạo nên một tầng lớp thị dân ngày càng đông.

Người Hoa trở thành một lực lượng quan trọng trong việc phát triển đô thị Sài Gòn- Chợ Lớn. Hoạt động của họ làm cho sinh hoạt văn hóa ở vùng này nhộn nhịp hẳn lên. Hơn thế nữa, số người Hoa này đã mang vào Việt Nam những tác phẩm tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa gây nên những ảnh hưởng không nhỏ trong sáng tác của các nhà văn viết tiểu thuyết văn xuôi tiếng Việt ở nước ta nói chung và Nam Bộ nói riêng thời kỳ này.

Giai đoạn đầu thực dân Pháp muốn xóa bỏ ngay ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa trong đời sống của người Việt, kéo họ về phía văn hóa Pháp. Bộ phận cư dân đô thị ngày càng thấy sự tiện lợi của những đồ dùng do thực dân mang đến, đồng thời cũng thấy sự hấp dẫn của sinh hoạt văn hóa theo kiểu phương Tây. Rõ ràng trong đời sống của người dân ở nước ta nói chung, Nam Bộ nói riêng đã diễn ra sự thay đổi cơ bản. Sự thay đổi đó tạo ra những con người khác trước, những đề tài văn học khác trước, những nhân vật khác trước và cả những thể loại văn học khác trước.

1.1.2. Tình hình văn hóa - văn học

Xu thế của cách mạng Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có nhiều biến động sâu sắc. Cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta lúc bấy giờ diễn ra hết sức quyết liệt. Trên phương diện văn học cũng như văn hóa nói chung, cuộc đấu tranh dân tộc cũng đã diễn ra không kém phần gay go phức tạp.

Về phía thực dân Pháp, để củng cố quyền lợi ở Đông Dương, trên mặt trận văn hóa tư tưởng Pháp thi hành những âm mưu xảo quyệt: cải cách giáo dục, thu hút một số thanh niên vào các trường Pháp- Việt, cao đẳng và đại học. Chúng cho phép người Việt mở báo quán, cho xuất bản sách giáo khoa, loại sách “Âu Tây tư tưởng”. Tuy nhiên, dù hoàn cảnh xã hội lúc này có ngặt nghèo, văn học Việt Nam với sức sống và bản lĩnh truyền thống vẫn hướng theo con đường chân chính.

Sự gắn bó giữa báo chí và văn học trong giai đoạn hình thành nền văn học hiện đại cũng là tiền đề to lớn tạo điều kiện cho văn học nước ta phát triển mạnh mẽ. Về phong trào sáng tác thì có báo chí là khởi đầu. Chính báo chí là

môi trường gây dựng đội ngũ nhà báo, nhà văn đầu tiên của đất nước; đồng thời là mảnh đất ươm mầm cho các thể loại văn học viết bằng chữ quốc ngữ (kí sự, truyện ngắn, tiểu thuyết) sinh sôi và nảy nở. Đóng vai trò quan trọng không kém đối với nền văn học hiện đại Việt Nam là sự ra đời của văn học dịch.

Qua tìm hiểu về tình hình văn hóa, văn học của đất nước trong thời kì này. Chúng ta có thể nhận thấy rằng, đây là giai đoạn văn học giao thời; cùng lúc tồn tại nhiều loại hình văn học vừa trung đại vừa hiện đại. Chính bối cảnh văn hóa, văn học đó đã tạo điều kiện cho sự ra đời một loại hình văn học mới: Văn xuôi quốc ngữ. Sự ra đời của văn xuôi quốc ngữ đã đáp ứng yêu cầu khách quan của sự phát triển văn học từ một nền văn học trung đại mang tính khu vực sang nền văn học hiện đại mang tính toàn cầu.

1.2. Chữ quốc ngữ và văn xuôi quốc ngữ

1.2.1. Sự ra đời chữ quốc ngữ

Chữ quốc ngữ là hệ thống chữ cái La Tinh ghi âm tiếng Việt đã được các nhà truyền giáo phương Tây và trí thức Việt Nam sáng chế đầu thế kỷ XVII. Năm 1651 giáo sĩ Alexandre de Rhodes cho xuất bản tại La Mã hai tác phẩm bằng chữ quốc ngữ: *Từ điển Việt- Lạp- Bồ* và *Phép giảng tám ngày*. Chữ quốc ngữ đã được áp dụng trong một số sáng tác và công trình biên soạn của các nhà truyền giáo, nhưng dù sao việc phổ biến thứ chữ này cũng chỉ giới hạn trong một số giáo dân.

Vì bị bó hẹp trong phạm vi những giáo dân theo đạo Thiên Chúa nên trong một thời gian dài chữ quốc ngữ tuy có phát triển nhưng vẫn thiếu những điều kiện thuận lợi để có thể phát triển nhanh. Khi nổ súng xâm lược Nam Kỳ, thực dân Pháp đã nghĩ ngay đến việc sử dụng chữ quốc ngữ để làm công cụ nô dịch và đồng hóa nhân dân ta. Công việc đầu tiên chúng làm là đưa chữ quốc ngữ từng bước trở thành văn tự chính thức trong lĩnh vực hành chính. Cùng với lĩnh vực hành chính, thực dân Pháp cũng quan tâm đến việc đưa chữ quốc ngữ vào trường học, vào giáo dục ở Nam Kỳ.

Như vậy từ những năm cuối thế kỷ XIX dưới sự bảo trợ của thực dân, chữ quốc ngữ đã có điều kiện phát triển nhanh hơn trước, mặc dù không phải là hoàn toàn thuận buồm xuôi gió. Ở Nam Bộ lúc đó, đa số sĩ phu Nho học đều không hưởng ứng việc học tập chữ quốc ngữ. Thế nhưng từ những năm đầu thế

kỷ XX trở đi, nhờ tiếp xúc với sách vở, báo chí nước ngoài, nhờ sự kích thích của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục ở Miền Bắc, nhiều người dân đã thấy rõ sự thuận tiện của chữ quốc ngữ. Họ không ngừng học tập, trau dồi cách diễn đạt và cải tiến từng bước câu văn xuôi quốc ngữ.

1.2.2. Văn học quốc ngữ

“Văn học quốc ngữ” là một khái niệm dùng để gọi tên một loại hình văn học cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Về hình thái thì văn học quốc ngữ là loại hình văn chương được viết bằng chữ quốc ngữ, ra đời và phát triển trong một khoảng thời gian dài hàng thế kỉ.

Chữ quốc ngữ là một hệ thống chữ viết hiện đại, tiện lợi, nhiều ưu điểm. Ban đầu do ác cảm với giặc xâm lăng đa số dân chúng Việt Nam chống luôn cả thứ chữ mà người Pháp muốn truyền bá. Nhưng rồi khi đã nhìn nhận quyền cai trị của “tân triều”, nhân dân cũng lần lượt nhận thấy rằng chữ quốc ngữ vừa dễ học, mau biết, lại vừa tiện lợi hơn chữ Hán, chữ Nôm. Một trong những hoạt động văn hóa có tác động trực tiếp đến quá trình hình thành và phát triển của văn học quốc ngữ là sự xuất hiện của báo chí quốc ngữ. Tờ báo quốc ngữ đầu tiên ở nước ta là “Gia Định báo”, nó đã đóng vai trò thúc đẩy sự chuyển tiếp của một nền văn chương cổ sang văn chương hiện đại.

1.2.3. Vấn đề hiện đại hóa văn học Việt Nam

Thuật ngữ “Văn học hiện đại, hiện đại hóa văn học” là thuật ngữ được nhiều nhà nghiên cứu nhắc đến trong các công trình nghiên cứu văn học Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Khái niệm “hiện đại hoá văn học” là khái niệm được dùng để chỉ sự thay đổi chuyển hoá của một nền văn học cũ sang một nền văn học mới hiện đại hơn. Khái niệm “văn học hiện đại” nhằm chỉ nền văn học viết bằng thứ chữ La Tinh của thế kỉ XX.

Văn học hiện đại Việt Nam bắt đầu từ khi nào? Từ trước đến nay, khi nói đến quá trình phát triển của tiểu thuyết Việt Nam các nhà nghiên cứu đều cho rằng tiểu thuyết *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật (1833-1940), *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách (1896-1973) là hai quyển mở đầu của tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Đây là một tình trạng “bị bỏ quên” hoặc “bỏ rơi” đối với tiểu thuyết Việt Nam. Sự thật ở miền Nam từ khi chữ quốc ngữ được giới trí thức tiến bộ ủng hộ và coi trọng thì vai trò và tác dụng của tiểu thuyết văn xuôi Nam Bộ có

một ảnh hưởng rất lớn trong sinh hoạt văn hóa nước nhà. Với sự xuất hiện của tiểu thuyết quốc ngữ, nền văn học hiện đại Việt Nam chính thức được hình thành.

Nói đến hiện đại hóa văn học, trước nhất là từ những biến đổi xã hội theo hướng hiện đại, từ việc hình thành một môi trường văn học, môi trường này đủ điều kiện cho văn học chuyển động, biến đổi. Hiện đại hóa văn học, không thể không nói đến vai trò của cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho việc in ấn, nhân bản, vì vậy tác phẩm văn học được in nhanh, nhiều, phổ biến rộng hơn. Văn học đi vào hiện đại hóa, vấn đề dịch thuật có một ý nghĩa đặc biệt. Tiểu thuyết là dấu hiệu quan trọng của văn học hiện đại. Trước chúng ta chỉ có tiểu thuyết văn xuôi bằng chữ Hán, còn một số nữa là truyện thơ viết bằng chữ Nôm.

Như vậy với sự ra đời của thể loại văn xuôi mà cụ thể là thể loại tiểu thuyết nền văn học Việt Nam đã chuyển từ quỹ đạo trung đại sang một quỹ đạo hoàn toàn mới là hiện đại với những cách tân mới mẻ từng bước đưa nền văn học nước nhà hội nhập với nền văn học thế giới...

1.3. Những chặng đường phát triển của văn xuôi quốc ngữ

1.3.1. Giai đoạn từ 1865- 1887

Chữ quốc ngữ được xây dựng và ra đời từ thế kỉ XVI nhưng để có một nền văn xuôi được kí chép từ thứ chữ viết hiện đại này thì mãi đến cuối thế kỉ XIX mới thực sự hình thành. Nền văn xuôi quốc ngữ không ra đời một cách độc lập mà nó gắn liền với sự ra đời và phát triển của báo chí. Từ "Gia Định báo" là một tờ tin của nhà nước xứ Nam Kỳ thuộc địa. Những "chuyện mới lạ" được đăng trên "Gia Định báo" để phục vụ công chúng như: *nạn châu chấu cào cào phá mùa màng, chuyện hỏa hoạn (1870)* của Trương Vĩnh Ký. Kế tiếp là Trương Minh Ký với những câu chuyện mang tính chất ngụ ngôn như: *Con Quạ với con Chồn (1883), Kẻ hà tiện làm mất của (1884), Hai cái lưỡi cày (1885)*... Có thể nói nền văn xuôi quốc ngữ nước ta trong giai đoạn này đã bắt đầu manh nha và tìm hướng đi thích hợp. Bắt đầu với những tác phẩm *Chuyện đời xưa lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích (1866), Chuyện khôi hài (1882), Ước lượng chuyện tích nước Nam (1887)* của Trương Vĩnh Ký. *Chuyện giải buồn (1885)* của Huỳnh Tịnh Của. *Truyện Phan Sa diễn ra quốc ngữ (1884)* của Trương Minh Ký... Khi *Truyện thầy Lazaro Phiền* của Nguyễn

Trọng Quán ra đời năm 1887, thì nền tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ nước ta mới thực sự ra đời. Nó đánh dấu điểm khởi phát của một loại hình văn học: Văn học quốc ngữ.

1.3.2. Giai đoạn từ 1887- những năm 20 của thế kỉ XX

Từ sau *Truyện thầy Lazaro Phiền* của Nguyễn Trọng Quán, nền văn xuôi quốc ngữ nước ta có một chặng đứt quãng khá dài do nhiều nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan. Sau những nỗ lực không mệt mỏi của hai nhà báo lớn là Trương Vĩnh Ký và Trần Thiên Trung- Trần Chánh Chiêu thì vào khoảng những năm cuối của thập niên đầu thế kỉ XX bắt đầu xuất hiện rải rác một số tác giả với các tác phẩm văn xuôi quốc ngữ.

Giai đoạn này bắt đầu bằng sự ra đời của *Hoàng Tố Anh hàm oan* (1910) của Trần Thiên Trung, *Phan Yên ngoại sử tiết phụ gian truân* (1910) của Trương Duy Toàn và *Lâm Kim Liên* (1910) của Trần Thiên Trung và kéo dài đến khi *Nghĩa hiệp kỳ duyên* (1920) của Nguyễn Chánh Sắt ra đời, nếu giai đoạn trước tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ còn đang ở tình trạng thăm dò thì ở giai đoạn này tiểu thuyết ở trong bước thử nghiệm để phát triển. Ở những năm cuối của thập niên này xuất hiện cuốn tiểu thuyết viết theo loại truyện trinh thám sớm nhất ở Nam Bộ cũng như ở nước ta thời bấy giờ, đó là cuốn *Kim thời dị sử* của Biên Ngũ Nhi (bút danh của bác sĩ Nguyễn Bính). Năm 1919, Nguyễn Chánh Sắt viết *Nghĩa hiệp kỳ duyên* in trong “Vệ sinh chí nam” của nhà thuốc “Nhị Thiên Đường”.

Đến những năm 20 của thế kỷ XX sự dung hòa Đông- Tây diễn ra rõ rệt hơn trong tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ. Có thể xem đây là giai đoạn phát triển rực rỡ của tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ nước ta. Đáng chú ý nhất ở chặng đường này là những sáng tác của Hồ Biểu Chánh, Phú Đức, Bửu Đình, Nguyễn Thế Phương, Phạm Minh Kiên, Tân Dân Tử...

Ở miền Bắc chặng đường này cũng xuất hiện nhiều tác giả tiêu biểu như Tản Đà với *Giác mộng con*, từ 1914 đến 1921 xuất hiện hàng loạt truyện ngắn của Nguyễn Bá Học và Phạm Duy Tốn. Cùng với các nhà văn Nam Bộ, Phạm Duy Tốn và Nguyễn Bá Học được xem là những nhà văn đầu tiên viết truyện ngắn hiện đại bằng chữ quốc ngữ ở nước ta.

Bên cạnh những cây bút trên thì người có công đóng góp không nhỏ cho nền văn xuôi quốc ngữ miền Bắc có thể kể đến ở đây là Tản Đà. Trong số những tác phẩm văn xuôi của Tản Đà, đáng chú ý nhất là *Giấc mộng con* (1916), *Giấc mộng lớn* (1928), *Thề non nước* (1922).

Có thể nói trong giai đoạn này, ở khắp cả hai miền Nam Bắc, số nhà văn tham gia viết tiểu thuyết ngày càng đông và tạo ra sự đa dạng trong các hướng thử nghiệm: tiểu thuyết nghĩa hiệp, tiểu thuyết trinh thám, tiểu thuyết tâm lí, tiểu thuyết ái tình, tiểu thuyết xã hội, tiểu thuyết phong tục. Nói tóm lại, văn xuôi quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ra đời và phát triển trong một hoàn cảnh lịch sử xã hội đầy biến động. Sự xâm lược của thực dân Pháp, cùng với việc phổ biến rộng rãi chữ quốc ngữ đã khiến cho nền văn học Việt Nam từng bước chuyển dần sang quỹ đạo của nền văn học hiện đại. Theo dõi các chặng đường phát triển của văn xuôi quốc ngữ giai đoạn này. Chúng ta nhận thấy rằng nền văn học Việt Nam giai đoạn này đang dần thoát khỏi khuôn khổ của nền văn học truyền thống, tạo dựng cho mình một diện mạo mới. Đưa văn học Việt Nam hội nhập với nền văn học khu vực và trên thế giới.

CHƯƠNG 2

DẤU ẤN LỊCH SỬ - XÃ HỘI TRONG VĂN XUÔI QUỐC NGỮ GIAI ĐOẠN CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

2.1. Dấu ấn lịch sử - xã hội trong văn xuôi quốc ngữ

2.1.1. Vấn đề tôn giáo

Tôn giáo là vấn đề khá nhạy cảm trong đời sống xã hội. Vốn là một dân tộc yêu chuộng hòa bình, coi trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo nên ở nước ta các tôn giáo rất phát triển. Sự xâm lược của thực dân Pháp đã khiến xã hội Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có nhiều thay đổi, trong đó có cả vấn đề tôn giáo. Điều này được phản ánh rõ nét trong nền văn xuôi quốc ngữ giai đoạn này, tiêu biểu là trong văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ.

Nhân dân Việt Nam với lòng yêu chuộng hoà bình đã đón nhận tam giáo. Mỗi đạo có một thời thịnh suy, nhưng nói chung cùng với thời gian và sự bao dung, cởi mở của người Việt các tôn giáo đã được nhân dân ta đón nhận một cách phóng khoáng. Vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng được thể hiện khá đậm nét

trong nền văn xuôi quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Đội ngũ nhà văn đầu tiên của nền văn xuôi quốc ngữ Việt Nam là những người theo đạo Thiên Chúa (Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trần Thiên Trung...).

Với một tinh thần cộng cư cởi mở, dung hòa Đông Tây trong xã hội Miền Nam lục tỉnh không chỉ có Thiên Chúa Giáo phát triển mà các tôn giáo khác cũng tồn tại và phát triển cạnh bên như các đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương... Hồ Biểu Chánh là một trong những cây bút tiêu biểu cho sự dung hòa các tín ngưỡng tôn giáo. Theo tác giả giàu nghèo là do số phận. Điều này được ông thể hiện qua cuộc đời của nhân vật Lê Văn Đố trong *Ngọn cỏ gió đùa*. Lê Văn Đố chỉ vì ăn cắp một trã cháo heo mà bị 10 năm tù, bị xã hội hắt hủi. Nhưng hoà thượng Chánh Tâm lại khuyên anh ta không nên giận trời phật, đó chẳng qua là cái nghiệp chướng trần gian: “Họ giàu sang rồi làm gì? Chú em nghèo hèn rồi hại gì? Bản đạo khuyên chú em đừng thêm kể việc trần tục, cứ giữ trí thanh tịnh, cứ giữ lòng từ bi, ai hung bạo giả dối mặc ai, mình lao tâm khổ xác đừng kể, hễ chú em làm được như vậy thì tự nhiên hết oán trách nữa” (*Ngọn cỏ gió đùa*). Hồ Biểu Chánh còn đề cập đến tư tưởng đạo giáo trong tác phẩm của mình. Ông phê phán hiện tượng tiêu cực trong xã hội đó là mê tín dị đoan. Cả thành thị lẫn nông thôn đều có nhiều người tin vào bói toán, đồng bóng, ngày kỵ,... Hồ Biểu Chánh đã nói đến thầy bói Ba Lân trong *Cười gương*, cậu Tư trong *Chút phận linh đình*.

Thế tài tôn giáo trong văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX luôn tồn tại song hành với thế tài thế sự, đời tư và thế tài lịch sử. Có khi chúng dung hòa với nhau tạo nên những câu chuyện hấp dẫn và đặc sắc lôi cuốn người đọc.

2.1.2. Sự biến động lịch sử xã hội giai đoạn giao thời trong văn học

Sau khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Nam Kỳ 1858, xã hội Việt Nam đã có nhiều biến đổi mạnh mẽ và sâu sắc. Đời sống của nhân dân Việt Nam bị bần cùng lại càng bần cùng hơn. Cơ cấu xã hội Việt Nam đã thay đổi nhanh và rõ rệt. Tầng lớp tiểu tư sản ngày càng đông đảo. Những người nông dân nghèo khổ rời khỏi ruộng đồng tìm đến thành thị để kiếm sống. Những biến động lịch sử xã hội đó được văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX phản ánh một cách chân thật và rõ nét. Tiêu biểu là qua các tác phẩm của các

nhà văn như Bửu Đình, Phú Đức, Tân Dân Tử, Biền Ngũ Nhi và đặc biệt là Hồ Biểu Chánh ..

Nhìn chung, các nhà văn đã tái hiện một cách chân thực bức tranh của xã hội Việt Nam trong thời kỳ đầy những biến động xáo trộn của xã hội đương thời. Dưới những trang viết của họ là một cuộc sống hối hả, đua chen nhau để làm giàu, và hiển nhiên đằng sau sự chi phối mạnh mẽ, sự tác quái của đồng tiền là những hành vi thấp hèn bản năng, phi nhân tính, là những thủ đoạn xảo trá, những mưu toan lừa lọc, là những cảnh đời xa hoa trác táng... Cả một xã hội đầy rẫy những sự lố bịch rớm đời!

2.1.3. Đặc điểm tâm lý xã hội trong văn xuôi quốc ngữ

Sự xâm lược của thực dân Pháp và công cuộc khai thác thuộc địa của chúng đã làm cho đời sống chính trị- xã hội nước ta giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX biến đổi sâu sắc. Người ta thích những thứ tiện lợi, ngắn gọn, rõ ràng, thích đi giày Tây, mặc đồ Tây, ở nhà Tây... Cuộc sống của họ khác xa với những trí thức Nho học ngày xưa. Nhưng điều quan trọng là đồng thời với sự đổi thay trong cuộc sống bình thường, đó là sự đổi thay trong cuộc sống trong cuộc sống tinh thần, cả tâm lý, cách suy nghĩ, thị hiếu. Điều này được thể hiện rõ thông qua các sáng tác của các nhà văn lúc bấy giờ.

Đề đối lập với những nhân vật vì nghĩa các nhà văn cũng tố cáo, phê phán những nhân vật bất nhơn, những con người nham hiểm, tham lam độc ác tàn bạo. Đó là hình ảnh của Trương Ba Vạn, Ngư Cường, Mã Kiện (*Phan Yên ngoại sử tiết phụ gian truân*- Tân Dân Tử). Lâm Trí Viễn, Đào Phi Đáng, Thạch Ung, Thạch Quýt (*Nghĩa hiệp kỳ duyên*- Nguyễn Chánh Sắt). Bá Vạn, Đỗ Thị, bà phủ Khánh Long (*Tiền bạc bạc tiền*- Hồ Biểu Chánh).

Một đặc điểm tâm lý xã hội nổi bật lúc bấy giờ là thích lối kể chuyện dung dị tự nhiên “trơn tuột như lời nói thường”: Chính nhờ câu văn giản dị tự nhiên, bình dân mà tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh lúc bấy giờ được rất nhiều người dân ưa thích. Vì chính lối viết này đã thể hiện rõ tính cách của con người Nam Bộ: bộc trực, thẳng thắn, nói năng ít văn chương rào đón. Họ nghĩ sao nói vậy, nói thẳng, không thích che đậy dấu giếm.

Nhìn chung đời sống tâm lý xã hội của người dân lúc bấy giờ chịu nhiều tác động từ đời sống xã hội, có cả chiều hướng tốt lẫn chiều hướng xấu. Tạo nên một đời sống tâm lý xã hội phong phú, đa dạng.

2.2. Đặc trưng văn hoá Nam Bộ trong văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

2.2.1. “Văn hóa vùng” trong văn xuôi quốc ngữ

Nền văn xuôi quốc ngữ nước ta bắt đầu manh nha, hình thành và phát triển ở một vùng đất mới. Đó là miền đất Nam Bộ. Chính vì vậy, dù muốn dù không thì văn xuôi quốc ngữ nước ta vẫn mang đậm dấu ấn văn hóa của vùng đất Đàng Trong. Hầu hết những tác giả tiên phong, mở đường cho nền văn xuôi quốc ngữ của dân tộc đều xuất thân từ Nam Bộ. Chính vì vậy trong các sáng tác của họ từ câu chuyện, cách thuật chuyện, cảnh vật làm nền, đến các nhân vật, chân dung, tính tình, tư tưởng, tín ngưỡng, phong tục, cách xử sự trong nghịch cảnh, lời nói, hành động của họ... tất cả đều bộc lộ tính cách miền Nam rõ rệt.

Tự do, phóng khoáng, rộng rãi, chất phác, quê mùa, nghĩ sao nói vậy, giản dị, không bóng bẩy, không cầu kỳ kiêu cách, không che đậy dấu giếm, không quan liêu bảo thủ, có tinh thần dung hòa, tổng hợp, dễ chấp nhận những cái mới lạ... Đó là những đặc tính của nền văn hóa “Nam Kỳ Tục Tĩnh”. Điều này thể hiện rõ trong các sáng tác của các tác giả lúc bấy giờ.

Người dân Nam Bộ luôn thích những anh hùng hào kiệt biết xả thân trừ gian diệt bạo, giúp đỡ kẻ yếu. Bởi điều này cũng chính là ước mơ và tính cách của họ. Ngươn Kiệt và Yến Nhi (*Một đôi hiệp khách*- Nguyễn Chánh Sắt) là đôi hào kiệt văn võ toàn tài, luôn giúp đỡ người nghèo.

Chính việc coi trọng đạo lý, đạo nghĩa đó đã dẫn người dân Nam Bộ đến với truyện Tàu. Sở thích cải lương của người dân cũng xuất phát từ đây. Nhiều vở cải lương, tuồng được chuyển thể từ truyện Tàu: *Tuồng Tam Quốc*, *Tiết Đình San sầu Phàn Lê Huê*, *La Thông tảo Bắc*... Nghệ thuật cải lương có một vị trí quan trọng trong lòng người dân Nam Bộ, nó đã có vị trí lớn lao trong đời sống tinh thần của họ.

Tiểu thuyết của các nhà văn thời bấy giờ là một bức tranh sống động về phong tục và cuộc sống của người dân Miền Nam. Muốn biết người dân Miền Nam ăn mặc, sinh hoạt như thế nào, theo bước chân của các nhà văn chúng ta sẽ

thấy rõ điều này. Mỗi người dân theo địa vị, chức tước trong xã hội sẽ có những cách ăn mặc khác nhau: “Các Thầy già thì bịt khăn đen, trẻ thì đội nón song người nào cũng mặc áo dài, nơi cách tay thường có mang một cây dù đen hoặc trắng”. (*Vì nghĩa vì tình*- Hồ Biểu Chánh).

Nông thôn Nam Bộ không chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo một cách nặng nề như nông thôn Bắc Bộ hay Trung Bộ. Nơi đây ít có những hủ tục lâu đời. Tuy nhiên, ngòi bút sắc nhọn của Hồ Biểu Chánh đã tập trung phanh phui nhiều mặt tiêu cực trong lối sống tập tục của người dân Nam Bộ. Qua *Cay đắng mùi đời*, *Nợ đời*, *Thầy Thông ngôn*, *Cười gương*, *Con nhà nghèo*... chúng ta nhận thấy quan niệm cổ hủ, lạc hậu về hôn nhân đang hoành hành cuộc sống nông thôn ở Nam Bộ không ít. Có những người sinh ra làm thủ đoạn mưu mô độc ác như người vợ lẽ trong tác phẩm *Cay đắng mùi đời*, vì ghen ghét vợ cả mong muốn chiếm trọn gia tài nhà chồng, đã nhẫn tâm mang một đứa bé ngày thơ còn đỏ hỏn vứt đi chỉ vì nó là con bà vợ cả.

Điều đặc biệt khác nữa để nhận ra đặc trưng Nam Bộ trong văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là ngôn ngữ. Một thứ ngôn ngữ đậm chất miền Nam. Các nhà văn thời kỳ này đã sử dụng rất nhiều từ địa phương Nam Bộ để làm nổi bật văn hóa của miền đất này.

Như vậy thông qua các tác phẩm văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, người đọc có thể hình dung một cách sinh động bức tranh đời sống văn hóa xã hội của người dân Nam Bộ lúc bấy giờ. Có thể nói tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ đã thu tóm toàn cảnh xã hội Nam Bộ một cách chi tiết và sống động qua nó, ta có thể thấy được đời sống tinh thần, tính cách, phong tục tập quán, sở thích, nhu cầu, thị hiếu của những người con ở miền đất mới.

2.2.2. Văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ như một thành tựu văn hóa lịch sử của dân tộc

Văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ hình thành trong một điều kiện lịch sử xã hội đặc biệt và có nhiều biến động. Trong đó có tình hình văn hóa và văn học.

Thấm nhuần tư tưởng phương Tây, ảnh hưởng sâu nặng từ những tiểu thuyết phương Tây, mà trước hết là các tiểu thuyết Pháp, các nhà văn Nam Bộ đã cố công vận dụng những kỹ thuật viết văn của tiểu thuyết phương Tây vào

tác phẩm của mình. Tuy nền văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ chỉ là những tác phẩm ở dạng đơn sơ, mộc mạc về nội dung và hình thức. Nhưng chính những tác phẩm như vậy đã mở đầu cho nền văn xuôi hiện đại Việt Nam.

Có thể nói mảnh đất Nam Bộ là nơi ươm mầm cho nền văn học hiện đại Việt Nam phát triển. Đây là nơi sản sinh ra đội ngũ nhà văn đi đầu, khởi xướng, làm nhiệm vụ của người khai sơn phá thạch cho nền văn học nước nhà. Miền Nam là nơi xuất hiện những tờ báo đầu tiên của đất nước ta như "Gia Định báo" (1870), "Thông loại khóa trình" (1888), "Nông Cổ Mín Đàm" (1906)... Chính những tờ báo này đã tổ chức những cuộc thi sáng tác truyện, tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ đầu tiên ở nước ta như Quốc Âm thí cuộc...

Tuy nhiên với những thành tựu đạt được như vậy nhưng trong thời kỳ khá dài về sau này, vai trò của nền văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ không được các nhà nghiên cứu đánh giá một cách thỏa đáng. Điều này cũng được nhà nghiên cứu Bùi Đức Tịnh quan tâm sâu sắc, theo ông: "Sự bỏ rơi bỏ rớt những đứa con tinh thần dẫu là vô tình mà không hay biết cho dẫu là những đứa con ấy bị nhìn vội và bị cho rằng không khôi ngô tuấn tú. Vẫn là một điều hoang phí, một sự hoang phí như thế không nên để xảy ra nhất là khi xem xét lại, mọi người sẽ nhìn nhận rằng những đứa con rơi đó còn giữ nguyên đặc tính nòi giống và đã can đảm góp công vào cuộc đấu tranh dai dẳng chống xâm lược".

Như vậy sự hình thành và vận động của văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của bộ phận văn học quốc ngữ ở vùng đất này, đưa văn học Nam Bộ tiến vào con đường hiện đại hóa. Các nhà văn ở Nam Bộ khá nhạy bén trong việc tiếp thu sáng tạo thể loại mới. Sống ở vùng đất mới, họ ít bị níu kéo bởi những hình thức văn học trung đại, do vậy họ dễ dàng tiếp thu cái mới. Họ là những người đi tiên phong trong quá trình sáng tạo thể loại tiểu thuyết.

Sự ra đời của văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ đã mở ra một thời kì mới cho nền văn học dân tộc, đưa nền văn học nước nhà từng bước thoát khỏi những quy phạm của văn học truyền thống. Văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ xứng đáng được ghi nhận là một trong những viên gạch đầu tiên của nền văn học hiện đại Việt Nam.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT CỦA VĂN XUÔI QUỐC NGŨ GIAI ĐOẠN CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

3.1. Đặc điểm cốt truyện của truyện ngắn, tiểu thuyết

3.1.1. Hiện tượng mô phỏng, tiếp biến cốt truyện trong văn xuôi quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX hình thành trong điều kiện nền văn học hiện đại nước ta vừa mới bắt đầu manh nha, định hướng để tìm con đường đi thích hợp, nên ngay từ đầu có hiện tượng vay mượn cốt truyện của nước ngoài (mà chủ yếu là của Pháp và Trung Hoa). Tuy vay mượn và mô phỏng cốt truyện nước ngoài nhưng tác giả đã Việt hóa nó rất thành công bằng việc đặt câu chuyện vào khung cảnh Việt Nam, mô tả những cảnh đời Việt Nam, tiêu biểu là Hồ Biểu Chánh với các tác phẩm mô phỏng từ tác phẩm tiểu thuyết phương Tây: *Chúa tàu Kim Quy, Cay đắng mùi đời, Thầy thông ngôn, Ngọn cỏ gió đùa, Chút phận linh đình, Kẻ làm người chịu, Vì nghĩa vì tình, Cha con nghĩa nặng, Ai làm được...*

Ngoài Hồ Biểu Chánh chúng ta còn bắt gặp sự phỏng tác trong sáng tác của Nguyễn Thời Xuyên. Cuốn tiểu thuyết *Người vợ hiền* phỏng tác từ cuốn *Ine henôte ferime* của Henry Bordenux. Người ta cũng có thể nhận ra sự gần gũi về nội dung cốt truyện, đề tài... giữa tiểu thuyết phương Tây với sáng tác của Lê Hoàng Mưu (*Đêm rớt của người tội tử hình, Oan kia theo mãi*). Tuy là những cốt truyện vay mượn, phỏng tác nhưng các nhà văn đã xây dựng khung cảnh truyện, tình huống truyện, tính cách nhân vật mang đậm màu sắc Việt Nam, dù là phỏng tác nhưng tính chất sáng tạo của nhà văn không phải là không đáng kể.

3.1.2. Cốt truyện sử dụng mô típ phiêu lưu, lưu lạc

Một đặc điểm nổi bật khác của cốt truyện giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là cốt truyện thường sử dụng mô típ phiêu lưu, lưu lạc.

Trong sáng tác của Hồ Biểu Chánh thể hiện rất rõ đặc điểm cốt truyện mô này. Bạch tuyết trong *Ai làm được*, là phận nữ nhi nhưng lại sẵn sàng rời xa gia đình đi tìm hạnh phúc thật sự cho bản thân. Còn Chí Đại người yêu của nàng thì đã từng vượt biển đến Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương để tìm vàng bạc, nhằm trở thành người chồng xứng đáng với Bạch Tuyết. Đến *Chúa tàu Kim*

Quy, thì tính chất phiêu lưu càng rõ rệt: Thủ Nghĩa từ khi bị tù đầy cho đến khi thoát khỏi chốn lao tù đã phiêu dạt qua hầu hết các vùng đất Nam Bộ. Sau đó lại vượt biển từ Thái Lan qua Trung Quốc để tìm gia đình người Khách, nhằm chia kho báu cho họ.

Chúng ta còn bắt gặp mô tip phiêu lưu. Lưu lạc ở rất nhiều các tác phẩm của các tác gia thời kỳ này. Như Nguyễn Chánh Sắt với *Lòng người nham hiểm*: hai ông Phan Mẫn Đạt và Nguyễn Trọng Luân vốn là bạn thân, sau khi gia đình ông Đạt gặp hỏa hoạn, gia tài bị thiêu hủy thì ông Luân cũng bị vạ lây. Hai gia đình mỗi người tứ tán một nơi vợ thì xuống Bạc Liêu còn ông lên Sài Gòn. Một thời gian sau hai ông Luân và Đạt phải rời bỏ xứ Sài Gòn lưu lạc ra đất Bắc làm ăn... Sau những năm bôn ba cuối cùng họ mới được đoàn tụ với nhau.

Cốt truyện sử dụng motip “phiêu lưu” biểu hiện rất rõ trong các sáng tác lúc bấy giờ. Trong đó các nhân vật chính luôn bị dòng đời xô đẩy, trôi dạt qua biết bao nhiêu nghịch cảnh, phải chấp nhận những thử thách để cuối cùng mới đạt được hạnh phúc hoặc phải chịu số phận đắng cay.

3.1.3. Cốt truyện sử dụng mô tip “ghen tuông”, hiểu nhầm

Cốt truyện sử dụng môtip này cũng là một đặc điểm khá phổ biến trong nhiều tác phẩm. Cái ghen tạo ra cái chết cho cả vợ lẫn chồng trong *Truyện thầy Lazaro Phiền* (Nguyễn Trọng Quản). Cái ghen gây ra hành động giết vợ và chịu một cuộc sống khốn cùng trong *Cha con nghĩa nặng* (Hồ Biểu Chánh). Cái ghen cũng tạo ra thái độ tàn nhẫn trong gia đình: cho tên trộm đưa con và gây ra trạng thái tâm thần đối với vợ trong *Kẻ làm người chịu, Vì nghĩa vì tình* (Hồ Biểu Chánh), cái ghen dẫn đến hành động giết vợ dã man của tên tướng trong *Người bán ngọc*...

Một đặc điểm không thể không kể đến của cốt truyện văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đó là cốt truyện theo mô hình nhân quả.

Ta thấy các nhà văn giai đoạn này vẫn chưa sáng tạo ra những cốt truyện mới thoát khỏi những cốt truyện truyền thống. Tư tưởng luân lí, đạo đức vẫn là tư tưởng chủ đạo chi phối các cốt truyện. Vì vậy có thể nói hầu hết cốt truyện của các tác phẩm văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đều có chung một mô hình là mô hình nhân –quả. Điểm xuyên qua các sáng tác

của Trần Chánh Chiêu, Nguyễn Chánh Sắt, Bửu Đình, Phú Đức, Tân Dân Tử mà đặc biệt là các tác phẩm của nhà tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Đây là mô hình cốt truyện rất được nhân dân ưa chuộng vì nó phù hợp với đời sống tâm lý, tình cảm của quần chúng thời bấy giờ “gieo nhân nào gặt quả ấy”, “thiện giả thiện báo, ác giả ác báo”,... Có thể nói đây là một đặc trưng của văn xuôi quốc ngữ nước ta trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Trên đây là một vài nét về đặc điểm của cốt truyện mô phỏng trong văn xuôi quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nhìn chung cốt truyện giai đoạn này đều còn rất đơn sơ, mộc mạc. Chưa có những cốt truyện phức tạp như văn học giai đoạn sau, nhưng nó cũng đã đánh dấu bước chuyển biến mới cực kỳ quan trọng là mở đầu cho nền văn xuôi hiện đại của nước nhà. Đó là những cốt truyện nền tảng tạo đà cho sự tiến bộ về sau của nền văn học.

3.2. Vấn đề sáng tạo và hư cấu của văn xuôi quốc ngữ

Văn xuôi quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX luôn hướng đến những vấn đề của đời sống thực tại với những con người đời thường. Đây cũng là tiêu chí để phân biệt văn xuôi hiện đại với cổ điển. Tuy nhiên qua khảo sát các tác phẩm văn xuôi quốc ngữ giai đoạn này chúng ta vẫn nhận thấy yếu tố hư cấu được sử dụng tương đối cao. Ngay cả *Tố Tâm* cuốn tiểu thuyết mà nhiều người vẫn cho là chép lại một chuyện hoàn toàn có thật, tác giả sau này của nó vẫn khẳng định: “Chuyện đời đâu có giống hẳn như tiểu thuyết. Người chép truyện tất phải thêm bớt ít nhiều cho truyện có mạch lạc, có kết cấu”.

Vấn đề hư cấu và tưởng tượng trong văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX còn thể hiện rất rõ trong các sáng tác của các văn gia Nam Bộ. Đặc biệt là các tiểu thuyết gia lịch sử, tiểu thuyết gia trình thám tiêu biểu như Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hoàng Mưu, Biền Ngũ nhi. Trong *Một đôi hiệp khách*- Nguyễn Chánh Sắt đã hư cấu nên đôi trai tài gái sắc Bạch Yến Nhi-Ngươn Kiệt hành hiệp trượng nghĩa, giúp đỡ kẻ yếu. Xây dựng đôi nhân vật này tác giả cố tình gói ghém trong đó ước vọng về sự xuất hiện những anh hùng hào kiệt của đất nước.

Tuy nhiên hư cấu không có nghĩa là bịa đặt một cách tùy tiện, thiếu cơ sở. Hầu hết các tác giả thời kỳ này đều kịch liệt phản đối lối văn “dị đoan”. Khi giới thiệu hai cuốn *Hoàng Tố Anh hàm oan* và *Phan Yên ngoại sử tiết phụ gian*

truân, tòa soạn báo “Nông Cổ Mìn Đàm” đã đưa ra nhận xét: “Từ xưa nhân nay, truyện nào sách nào cũng chỉ có một chuyện khuyên lành lánh dữ mà thôi. Song người trước thường ưa những việc dị đoan cho nên phải lập dị đoan mà ngăn thiên hạ, chớ đương lúc ni là lúc văn minh đã tràn ra khắp toàn cầu, vậy ta cũng nên bỏ mất cái nẻo dị đoan làm lãnh, đặng có gội nhuần gió Âu mưa Mĩ, hầu mở mặt cùng chư quốc. Nay có một bọn nho gia hiệp lại kêu là Trứ Thơ Viện mà làm truyện đời nay hoặc đời xưa của Nam Việt và truyện Âu Mĩ, trong ấy chỉ có một điều thuần phong mỹ tục, còn những thói hư vô bạo ngược thì đều có lời răn luôn”.

Nếu hiểu tiểu thuyết theo một nghĩa chung nhất là chuyện đời thường, thì nhân vật trong tiểu thuyết là những con người đời thường. Nhà văn đã chú trọng hơn đến việc khai thác đời tư của các nhân vật lịch sử. Đó có thể là sự hoang dã, tàn bạo của Lê Long Đĩnh (*Tiền Lê vận mệnh*), là sự đố kỵ, ghen ghét của Thái úy Lê Niệm đối với sự thành đạt của Thân Nhon Trung (*Nặng gánh cang thường*). Chính sự quan tâm đến đời tư của nhân vật đã làm cho cuộc sống của họ gần với sự thực lịch sử hơn.

Đây là quan niệm hết sức tiến bộ của các tiểu thuyết gia thời kỳ này. Gạt bỏ những chuyện tưởng tượng không có thật để trở về với cuộc sống đời thường. Dem những sự thật mắt thấy tai nghe mà kể lại cho người đọc cùng biết.

Một nguyên nhân cũng không kém phần quan trọng khác lí giải tại sao vấn đề hư cấu và tưởng tượng của văn học trong giai đoạn này không được chú trọng và đề cao, đó chính là do tình hình và điều kiện phát triển của nền văn chương nước ta thời bấy giờ.

Hiện thực xã hội chưa tạo đủ điều kiện để các tác giả giai đoạn đầu có thể sáng tác và tưởng tượng ra những tác phẩm của riêng mình. Phỏng tác chính là giai đoạn mở đầu trước khi bước vào quá trình sáng tạo của các nhà văn đối với thể loại mới. Đây chính là tiền đề cho sự ra đời của một nền văn xuôi quốc ngữ đa dạng và phong phú sau này.

3.3. Ngôn ngữ “như lời nói thường”

Ngôn ngữ là chất liệu, phương thức biểu hiện mang tính đặc trưng của văn học. Trong nền văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ

XX, ngôn ngữ “như lời nói thường” gần gũi tới mức tối đa trong đời sống và mang đầy đủ đặc trưng của thể loại.

Nếu như trong truyện truyền thống vẫn sử dụng hai dạng chữ viết là chữ Hán và chữ Nôm. Thì trong truyện hiện đại chỉ sử dụng một loại chữ viết duy nhất đó là: Chữ quốc ngữ. Bởi đây là ngôn ngữ dân tộc, mang tính dân tộc và toàn dân. Các nhà văn luôn có ý thức tích lũy, trau dồi làm phong phú nguồn ngôn ngữ của mình. Tiêu biểu là Hoàng Ngọc Phách, điều đó được khẳng định rõ nét khi nhà văn cho xuất bản cuốn tiểu thuyết *Tố Tâm* (1925). Tính chất văn xuôi trong *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách trước hết thể hiện bằng lối viết mộc mạc, ngôn ngữ trần thuật, dùng lời ăn tiếng nói hàng ngày trong cuộc sống.

Thực ra việc sử dụng ngôn ngữ đời thường nôm na để sáng tác văn chương đã trở thành quan niệm trong ý thức một số tác giả ở cuối thế kỷ XIX mà người khởi xướng là Trương Vĩnh Ký và được đẩy cao ở Nguyễn Trọng Quản. Như vậy, do yêu cầu canh tân đất nước, văn chương ngay từ ban đầu đơn thuần chỉ được coi như phương tiện truyền tải tri thức, tình yêu quê hương đất nước đến quần chúng nhân dân của các nhà học giả. Chính vì vậy hiện tượng viết văn như lời nói thường trở thành đặc điểm văn phong của các nhà văn giai đoạn này, đặc biệt thể hiện rõ rệt nhất trong văn phong của các nhà văn Nam Bộ.

Độc giả, công chúng cũng là một nhân tố quan trọng tác động đến đặc điểm ngôn ngữ của văn học giai đoạn này. Các nhà văn đã đưa vào tác phẩm ngôn ngữ của các nhân vật thuộc tầng lớp dưới như tá điền, tá thổ, buôn bán, những thầy thông, thầy ký, gái đĩ, me tây... ngôn ngữ của các nhân vật này thường được thu nhận từ đời sống thực tế hàng ngày.

Như vậy, đặc điểm đầu tiên và cũng là ưu thế của văn xuôi quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đó là một nền văn xuôi lấy ngôn ngữ đời thường làm nền tảng. Ngôn ngữ là dấu ấn của con người, địa phương, xã hội cũng như quốc gia. Đọc tiểu thuyết giai đoạn này, chúng ta hình dung được một thời đại của nền văn học nước nhà. Thời đại mà nội dung chuyển tải được chú ý và coi trọng hơn hình thức thể hiện.

3.4. Vài nét về đặc điểm thể loại của văn xuôi quốc ngữ

Trước khi văn học hiện đại ra đời, các nhà văn Việt Nam hoàn toàn bị chi phối bởi tư duy văn học trung đại. Quãng thời gian dài hơn một ngàn năm

không dễ dàng xóa mờ trong một sớm một chiều. Do vậy cái nhìn đối với thể loại tiểu thuyết còn tản mạn, phiến diện. Tuy vậy trong một số lời tựa, lời bạt, lời phụ thuyết và qua một số tác phẩm cụ thể, chúng ta cũng có thể hiểu được những ý thức của các nhà văn về thể loại này. Những sáng tác bằng văn xuôi quốc ngữ của các nhà văn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX không có sự phân biệt rạch ròi giữa tiểu thuyết và truyện ngắn.

Cũng nằm trong quan niệm về thể loại sáng tác, các nhà văn đã định danh một cách tự do và ngẫu hứng cho những tác phẩm của mình. Tên gọi các tác phẩm rất đa dạng và phong phú. Trên bìa sách ghi là lịch sử tiểu thuyết như *Gia Long tẩu quốc* của Tân Dân Tử, xã hội tiểu thuyết như *Tam Yên di hận* của Nguyễn Văn Vinh, cảnh thế tiểu thuyết như *Bước đường lưu lạc* của Phụng Các. Tâm lý tiểu thuyết như *Hai mươi năm lao碌* của Phạm Minh Kiên... Như vậy, ta thấy quan niệm về thể loại của các nhà văn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là rất tường minh và đơn giản. Họ suy nghĩ thế nào thì họ thể hiện ra bằng ngôn ngữ như thế ấy.

Bên cạnh quan niệm về thể loại, các nhà văn cũng thể hiện quan niệm của mình về mục đích sáng tác, chức năng nghệ thuật thông qua các lời đề tựa đầu tác phẩm. Tuy các tác giả chưa trực tiếp bàn đến chức năng thể loại của văn xuôi giai đoạn này nhưng phần lớn ý kiến đều thống nhất trong việc nhìn nhận ảnh hưởng của văn xuôi ở hai phương diện: Giáo dục đạo đức, cảnh tỉnh và “bổ sàu” cuối cùng là giải trí.

Dù chịu ảnh hưởng của Tây học, các nhà văn lúc bấy giờ vẫn là những con người Việt Nam, mang trong mình tư tưởng truyền thống Việt Nam. Do đó những tác phẩm của họ luôn hướng đến việc giáo dục đạo đức, khuyến hóa nhân luân. Trong hồi ký *Đời của tôi về văn nghệ*, Hồ Biểu Chánh nói rõ: “Viết tiểu thuyết để cảm hóa đặng lần lần dắt quần chúng trở về đường chính đại quang minh. Cuối đời ông tổng kết “sản xuất cả mấy chục pho tiểu thuyết, viết kịch bản, làm phú, thi, hay lập báo chí luôn luôn tôi vẫn đeo đuổi cái mục đích duy nhất là “thành thân với chủ nghĩa”.

Quan niệm “ơn đền oán trả”, “thiện ác đáo đầu chung hữu báo” đã chi phối quá trình phát triển tính cách của các nhân vật, kết cấu, cốt truyện, và làm cho nhiều tác phẩm có tính chất giả tạo. Tuy vậy quan niệm này phù hợp với

tâm lí của nhân dân lúc bấy giờ nên những tác phẩm của các nhà văn được nhiều người đón nhận một cách nồng nhiệt.

Bên cạnh tác dụng giáo dục, phần lớn các tác giả giai đoạn này nhấn mạnh đến chức năng giải trí, giải muộn của tiểu thuyết. Nhiều nhà văn đã đề cao vai trò giải trí và đôi khi đưa nó lên làm chuẩn mực đầu tiên, như Nguyễn Chánh Sắt trong “lời tựa” của tiểu thuyết *Gái trả thù cha*: “... hiển trình cho hải nội chư quân tử nhàn quan hỉ dượt”. Phạm Minh Kiên trong lời tựa tiểu thuyết *Việt Nam Lý trung hưng* thì: “Trong truyện này tác giả chỉ lượm lặt những sự phong công, những tích của tiền nhơn mà phô diễn ra đây ngõ hầu công hiến cho đồng bào đặng trước là làm một dấu kỷ niệm nơi lòng sau cũng được tiêu nhàn trong đôi phút”.

Hai chức năng này hoàn toàn không tách biệt. Trong nhiều trường hợp, theo người viết chúng nằm trong cùng một tác phẩm. Ngoài ra tiểu thuyết còn có rất nhiều tác dụng khác, như lời giới thiệu của Tân Dân Tử trong cuốn *Giọt máu chung tình*: “Trong quyển tiểu thuyết này những lời nói giọng tình câu chuyện đặc để kỷ cang, có lối văn chương, có mùi tao nhã, chỗ thì cao đàm hùng biện, mà làm ngọn roi kích bác cho phong tục đương thời, chỗ thì nghị luận khuyên trừng, làm một phương thuốc bổ ích tinh thần cho kẻ học sanh hậu tấn, chỗ lại bi, hoan, ly, hiệp, tình tứ thâm trầm, khiến cho độc giả cũng có lúc xúc động tâm thần mà nheo mày chặc lưỡi, cũng có lúc vui lòng hứng chí, mà được giải khuây một ít cơn sầu, cũng có khi dựa gối cúi đầu, ngẫm nghĩ cuộc đời mà thương người nhớ cảnh”.

Trên cơ sở một quan niệm văn chương như vậy, văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cũng có nhiều thay đổi xét trên phương diện thể loại. So với văn xuôi trung đại, nền văn xuôi lúc này xuất hiện nhiều thể loại hơn. Ngoài tiểu thuyết, truyện, kí đã xuất hiện trong văn học trung đại, thì trong thời kì này còn xuất hiện thêm nhiều thể loại mới như tản văn, phóng sự, phê bình...

KẾT LUẬN

Văn học Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã có những bước chuyển biến tích cực để thoát ra khỏi phạm trù văn học truyền thống. Giai đoạn này cùng với việc thay đổi diện mạo văn hóa xã hội là sự thay

đổi diện mạo của nền văn học. Tuy thế một quan niệm văn học cho thời kì cận hiện đại vẫn chưa được xác lập một cách vững chắc. Văn học đang dò dẫm tìm lối đi trước những ảnh hưởng mạnh mẽ của văn học phương Tây, đặc biệt là văn học Pháp và văn học Trung Quốc. Song song với sự đổ vỡ của nền văn học cũ về nội dung và hình thức, là sự hình thành một quan niệm văn học mới với những đặc điểm văn học mới, những đặc điểm về ngôn ngữ, chất liệu, thể loại.

Nói tóm lại, trên cơ sở những kết quả đã trình bày ở các chương có thể rút ra một số kết luận sau đây:

Trước hết sự hình thành của nền văn xuôi quốc ngữ giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là một hiện tượng mang tính tất yếu. Sự ra đời của một giai đoạn văn học bắt nguồn từ những nhu cầu bên trong của đời sống văn hóa, văn học đáp ứng yêu cầu của một giai đoạn lịch sử nhất định. Sự chuyển mình của văn học Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đòi hỏi phải có những cách tân mới mẻ về các phương diện. Điều kiện văn hoá xã hội và những tiền đề văn học ở nước ta, đặc biệt ở Nam Bộ cho phép nền văn xuôi quốc ngữ xuất hiện và ngày càng phát triển.

Nền văn xuôi quốc ngữ vận động và phát triển qua nhiều giai đoạn, theo hướng từ truyền thống sang hiện đại. Quá trình vận động diễn ra qua nhiều chặng, từ chuẩn bị đến thử nghiệm và trưởng thành. Tốc độ vận động nhìn chung tương đối chậm, nhất là ở chặng đầu tiên. Chặng đầu tiên là giai đoạn manh nha, thử nghiệm sáng tác những câu chuyện bằng văn xuôi quốc ngữ, chưa mang dáng dấp của những tác phẩm văn xuôi thực sự. Tiếp theo là giai đoạn mô phỏng (mô phỏng tiểu thuyết Trung Hoa và phương Tây), sau đó mới dần dần thực sự sáng tạo ra những tác phẩm văn xuôi có chất lượng nghệ thuật.

Văn xuôi quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX mang đậm chất đặc trưng Nam Bộ. Nguyên nhân dẫn đến tính chất này là vì nền văn xuôi quốc ngữ nước ta bắt đầu manh nha và hình thành từ vùng đất mới mẻ này. Những dấu ấn đặc trưng của vùng đất Nam Bộ thể hiện qua đặc điểm tâm lí xã hội, sở thích, phong tục tập quán.

Hình thành trong điều kiện lịch sử xã hội đặc biệt và có nhiều biến động, nền văn xuôi quốc ngữ giai đoạn này mang một số đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu, có nhiều điểm khác biệt so với các thời kì văn học trước đó. Trước hết đó là những đặc điểm về cốt truyện, cốt truyện của các tác phẩm thời kì này

thường đơn giản, kết cấu theo mô hình nhân quả, và đặc biệt rất chú trọng mô tip phiêu lưu, li kì gay cấn. Về mặt nghệ thuật ngôn từ, ngôn ngữ văn học của giai đoạn này đã thoát khỏi tính chất ước lệ và quy phạm khuôn sáo vốn có trong văn học truyền thống. Ngôn ngữ “như lời nói thường” được sử dụng rộng rãi trong các sáng tác của các nhà văn. Vấn đề hư cấu và tưởng tượng trong các tác phẩm thời kì này ít được sự quan tâm và chú ý của các nhà văn. Các tác giả luôn đề cao cuộc sống đời thực trong tác phẩm, bài trừ lối văn “dị đoan”. Quan niệm về thể loại văn học cũng chưa được các văn gia quan tâm một cách đúng mức. Những sáng tác bằng văn xuôi quốc ngữ của các nhà văn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, không có sự phân biệt rạch ròi giữa tiểu thuyết và truyện ngắn. Về mục đích sáng tác, các tác giả đều đề cao chức năng giáo dục đạo đức, cảnh tỉnh và chức năng giải trí, ít quan tâm đến chức năng nghệ thuật của tác phẩm.

Nói tóm lại văn xuôi quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là thời kì vận động chuyển mình từ văn học trung đại sang văn học hiện đại. Vì vậy nó có những bước quá độ, khập khiễng và “dịch dắc” (chữ dùng của Nguyễn Huệ Chi) thậm chí là “bảo thủ”, “trì trệ”. Song đó là những bước chuẩn bị tất yếu và là những điều không thể tránh khỏi trong giai đoạn “giao thời” này. Với những đóng góp to lớn của mình, nền văn xuôi quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đáng được vinh danh trên bảng vàng của văn học nước nhà.